

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 3 năm 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đèo Văn Vĩnh, bà Thùng Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị L T V, sinh năm: 20..

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh L A N, sinh năm: ..

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị L T V trình bày:

Chị V và anh N được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2022, nhưng đến ngày 12/01/2023 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi chung sống với nhau anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do anh N ngoại tình, không chung thủy với chị V, anh còn thường xuyên đánh đập chị V, thậm chí anh còn đe dọa cả tính mạng của chị V, chính vì vậy nên anh chị đã ly thân nhau, thời gian ly thân thì anh N vẫn tiếp tục nhắn tin đe dọa chị V. Đến nay chị V không còn tình cảm với anh N nữa, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh N.

Về con chung: Chị V và anh N có 01 con chung, tên là L T K, sinh ngày ... Hiện cháu đang ở cùng chị V tại nhà ông bà ngoại. Sau khi ly hôn chị V có nguyện vọng được nuôi cháu K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh L A N trình bày: Việc anh và chị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng như lời khai của chị V. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do chị V ngoại tình, thời gian chung sống cùng nhau giữa anh chị có thường xuyên cãi nhau và mắng chửi nhau, anh chị đã ly thân từ thời gian đó đến nay, nếu chị V muốn ly hôn thì anh N cũng nhất trí ly hôn, tuy nhiên anh muốn được nuôi cháu L T K. Về con chung, anh N có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, do chị V bận đi làm không có thời gian chăm sóc cháu, nếu được nuôi con anh N không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung vợ chồng anh không có tài sản chung. Về nợ chung: Anh N khai anh và chị V có nợ chung tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phong Thổ với số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay để cải tạo đất sản xuất để trồng chuối trên thửa đất của bố mẹ anh N, anh N hiện tại đang canh tác tại thửa đất đó vì thửa đất đó vẫn mang tên của bố mẹ anh; Nếu ly hôn anh yêu cầu chị V cùng anh trả khoản nợ trên cho ngân hàng với số tiền 25.000.000 đồng, nếu chị V nhất trí chia đôi khoản nợ trên thì anh nhất trí ly hôn và cho chị V nuôi con. Tại buổi lấy lời khai anh N thì anh cho rằng chưa cung cấp được giấy tờ chứng minh khoản nợ trên và sẽ cung cấp vào một buổi khác. Ngoài ra, anh N không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã yêu cầu anh L A N cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến khoản nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh huyện Phong Thổ như lời khai của anh, tuy nhiên anh N không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, anh cũng không có đơn yêu cầu phản tố.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điều 227,

228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của chị L T V, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị L T V được ly hôn với anh L A N. Về con chung: giao cháu L T K cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự do chị là dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L T V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh L A N. Chị V và anh N đều đăng ký hộ khẩu tại xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay chị V có đơn xin vắng mặt, anh N vắng mặt lần thứ 2. Trong quá trình giải quyết vụ án anh N không có yêu cầu phản tố. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L T V và anh L A N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị V và anh N chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được, anh chị đã ly thân nhau từ tháng 8/2023 cho đến nay. Xét thấy, cuộc sống chung của hai vợ chồng anh chị không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V, giải quyết cho chị L T V được ly hôn với anh L A N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị V và anh N có 01 con chung, tên là L T K, sinh ngày ... Sau khi ly hôn chị V và anh N đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Hiện tại chị V đang làm thuê, thu nhập khoảng 08 triệu đồng trên tháng, cháu K hiện tại chưa đủ 36 tháng tuổi và cần được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Vì vậy, xét về điều kiện, hoàn cảnh và theo quy định của pháp luật, để đảm bảo các điều

kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu K cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị Vân không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung: Chị V và anh N không có tài sản chung nên anh chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị V cho rằng giữa chị và anh N không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N cho rằng giữa anh và chị V có nợ chung tại Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh huyện Phong Thổ với số tiền 50.000.000 đồng để cải tạo đất của gia đình anh mục đích là trồng chuối. Để đảm bảo việc giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện nên Tòa án đã yêu cầu anh N cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh khoản nợ trên. Tuy nhiên anh N không cung cấp theo yêu cầu của Tòa án, không có yêu cầu phản tố gửi đến Tòa án. Vì vậy Tòa án không xem xét, giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự do chị là dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị L T V được ly hôn với anh L A N.

Về con chung: Giao cháu L T K, sinh ngày .. cho chị L T V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L T V không yêu cầu anh L A N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Chị L T V và anh L A N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L T V và anh L A N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Dành quyền khởi kiện ở vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L T V được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Trung Tá